

**PHỤ LỤC 02: KẾ HOẠCH SỬA CHỮA ĐƯỜNG TỈNH GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**  
(Kèm theo Quyết định số 838/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND tỉnh)

TT	Tên tuyến đường	Hạng mục sửa chữa	Địa điểm xây dựng	Tình trạng kỹ thuật hiện hữu	Giải pháp sửa chữa	Khối lượng SC (km)	Dự kiến Kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
<b>TỔNG</b>						<b>1.206</b>	<b>1.223.508</b>	
<b>I</b>	<b>Năm 2026</b>					<b>920</b>	<b>303.774</b>	
1	ĐT.226	Sửa chữa nền, mặt đường, công trình đoạn Km53-Km55+500, ĐT.226	Xã Trảng Định	Mặt đường rộng 3,5m đã bị hư hỏng nứt vỡ 70%, phát sinh ổ gà thường xuyên do lưu lượng phương tiện qua lại lớn	Sửa chữa cạp mở rộng mặt đường, tăng cường mặt đường bằng kết cấu BTN hoặc Láng nhựa	2,5	6.450	
2	ĐT.227	Sửa chữa nền, mặt đường đoạn Km6-Km10, ĐT.227	Xã Thiện Long	Mặt đường rộng 3,5m đã bị hư hỏng nứt vỡ 80%	Sửa chữa cạp mở rộng mặt đường, tăng cường mặt đường bằng kết cấu BTN hoặc Láng nhựa	4	9.720	
3	ĐT.229	Sửa chữa nền, mặt đường, công trình đoạn Km6-Km10, ĐT.229	Xã Kháng Chiến	Mặt đường láng nhựa rộng TB 5,5m bị hư hỏng cục bộ 35%	Sửa chữa hư hỏng cục bộ, tăng cường mặt đường bằng kết cấu BTN	4	9.720	
4	ĐT.233	Sửa chữa nền, mặt đường, công trình đoạn Km11+00 - Km15+00, ĐT.233	Xã Tân Văn, xã Hội Hoan	Mặt đường rộng 3,5m đã bị hư hỏng nứt vỡ 90%	Sửa chữa cạp mở rộng mặt đường, tăng cường mặt đường bằng kết cấu BTN hoặc Láng nhựa	4	9.720	
5	ĐT.234	Sửa chữa nền, mặt đường, công trình đoạn Km10+200 - Km11+100, Km13 - Km18+300, ĐT.234	Phường Lương Văn Tri, Xã Tân Đoàn	Mặt đường rộng 3,5m đã bị hư hỏng nứt vỡ 60%	Sửa chữa cạp mở rộng mặt đường, tăng cường mặt đường bằng kết cấu BTN hoặc Láng nhựa	6,2	15.996	
6	ĐT.238	Sửa chữa nền, mặt đường, công trình đoạn Km8+00 - Km15+00, ĐT.238	Xã Chiến Thắng	Mặt đường rộng 3,5m đã bị hư hỏng nứt vỡ 60%	Sửa chữa cạp mở rộng mặt đường, tăng cường mặt đường bằng kết cấu BTN hoặc Láng nhựa	7	17.010	
7	ĐT.239	Sửa chữa nền, mặt đường, công trình đoạn Km9+800 - Km13+300, Km14+250 - Km15+700, ĐT.239	Xã Tân Đoàn	Mặt đường rộng 3,5m đã bị hư hỏng nứt vỡ 60%	Sửa chữa cạp mở rộng mặt đường, tăng cường mặt đường bằng kết cấu BTN hoặc Láng nhựa	4,95	12.029	
8	ĐT.242	Sửa chữa tăng cường mặt đường đoạn Km19+00 - Km22+00, ĐT.242	Xã Văn Nham	Mặt đường láng nhựa rộng TB 5,5m bị hư hỏng cục bộ 35%	Sửa chữa hư hỏng cục bộ, tăng cường mặt đường bằng kết cấu BTN	3	7.740	
9	ĐT.250	Sửa chữa nền, mặt đường, công trình đoạn Km56+00 - Km61+400, ĐT.250	Xã Quan Sơn, xã Chi Lăng	Mặt đường rộng 3,5m đã bị hư hỏng nứt vỡ 70%	Sửa chữa cạp mở rộng mặt đường, tăng cường mặt đường bằng kết cấu BTN hoặc Láng nhựa	5,4	13.122	
10	Các tuyến đường huyện cũ (ĐH) chuyển thành đường tỉnh (ĐT): <b>Tổng số 33 tuyến</b>	Sửa chữa, điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện hệ thống an toàn giao thông trên các tuyến ĐT.226B; ĐT.226C; ĐT.226D; ĐT.226E; ĐT.227B; ĐT.229B; ĐT.231B; ĐT.232B; ĐT.233B; ĐT.234B; ĐT.234C; ĐT.234D; ĐT.235B; ĐT.236B; ĐT.238B; ĐT.238C; ĐT.239B; ĐT.239C; ĐT.240; ĐT.241B; ĐT.242B; ĐT.242C; ĐT.242D; ĐT.243B; ĐT.243C; ĐT.243D; ĐT.246B; ĐT.246C; ĐT.246D; ĐT.246E; ĐT.248B; ĐT.248C; ĐT.250B, tỉnh Lạng Sơn.	Tỉnh Lạng Sơn	Trên các tuyến hệ thống an toàn giao thông (Biển báo, cột H, cột Km) chưa được đầu tư đồng bộ và do thực hiện chính quyền 2 cấp xóa bỏ cấp huyện, sáp nhập các xã. Sáp nhập một số tuyến ĐH cũ thành một tuyến ĐT mới nên vị trí, thông tin không còn phù hợp.	Điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện hệ thống biển báo, cột H, cột Km	807,42	25.600	

TT	Tên tuyến đường	Hạng mục sửa chữa	Địa điểm xây dựng	Tình trạng kỹ thuật hiện hữu	Giải pháp sửa chữa	Khối lượng SC (km)	Dự kiến Kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
11	ĐT.226C (Áng Mô - Đoàn Kết - Nà Coóc)	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km0+00 - Km5+000, ĐT.226C	Xã Tân Tiến	Mặt đường hư hỏng, vỡ mặt, nhiều lún, ổ gà: Đoạn: Km0+00-Km0+610: Mặt đường: B(n)=7m; B(m)=3,5m, kết cấu mặt đường BTN. :Đoạn: Km0+610-Km1+460 Mặt đường: B(n)=7m; B(m)=3,5m, kết cấu mặt đường BTXM Đoạn: Km1+460-Km4+273 Mặt đường: B(n)=7m; B(m)=3,5m, kết cấu mặt đường BTN.	Sửa chữa hư hỏng cục bộ, tăng cường mặt đường bằng kết cấu theo hiện trạng (BTN, BTXM)	5,00	12.150	
12	ĐT.226D (Bình Lâm - Đội Cấn - Quốc Khánh)	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km0+00 - Km5+00, ĐT.226D		Đoạn Km0+00 - Km7 Nền mặt đường hư hỏng, bong bật ổ gà. Mặt đường đá nhựa, nền rộng 6m, mặt đường rộng 3,5m	Sửa chữa cục bộ mặt đường, tôn bù đá dăm tiêu chuẩn, láng nhựa 3 lớp tiêu chuẩn 4,5km/m2. Sửa chữa rãnh thoát nước và hệ thống ATGT	5,00	12.150	
13	ĐT 226E (Khu Ra - Quang Trung - Văn Mịch)	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km0-Km5+600, ĐT 226E	Xã Thiệu Thuật	Mặt đường Bm = 3,5 m; Bn = 5,5 m, mặt đường láng nhựa bong bật, lún võng, Cổng tròn hiện trạng nhỏ, không đảm bảo thoát nước khi mưa lũ, hệ thống atgt chưa đồng bộ	Sửa chữa cục bộ mặt đường, tôn bù CPDD, láng nhựa 3 lớp tiêu chuẩn 4,5km/m2, xây dựng cống bản (2x2)m tại Km 5+500 và hoàn thiện hệ thống ATGT	5,60	13.608	
15	ĐT.232B (Na Sầm - Văn Lãng - Hùng Việt)	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km0+000 - Km3+880 và Km16+750 - Km18+200	Xã Văn Lãng	1. Đoạn từ Km1+200 - Km2+00, mặt đường BTXM nứt, vỡ nhiều. 2. Đoạn Km1+200 - Km1+300 và đoạn Km2+100 thường xuyên bị ngập khi mưa lớn kéo dài. 3. Còn khoảng 1,5km đường đất ở cuối tuyến.	Sửa chữa cục bộ mặt đường, hoàn trả mặt đường BTXM rộng 3,5m. Sửa chữa rãnh thoát nước và hệ thống ATGT	5,33	12.952	
16	ĐT.234D (Tri Lễ - Bằng Mạc - Vạn Linh - Chi Lăng)	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km26+300 - km31+00, ĐT.234D	Xã Bằng Mạc	- Nền mặt đường khai thác từ lâu, chưa được nâng cấp sửa chữa đoạn từ Km26+300 - km31+300 L=5,0Km. (ĐH.89 cũ	- Đào bỏ kết cấu mặt đường hư hỏng, xử lý tôn bù đá dăm nước và hoàn trả lại mặt đường láng nhựa 3 lớp tiêu chuẩn 4,5km/m2 rộng 4,0m	4,70	11.421	
18	ĐT.238B (Nhân Lý - Chiến Thắng)	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km2+00-Km7+00, ĐT.238B	Xã Nhân Lý	Nền mặt đường đất từ Km2+200-Km13 chiều rộng nền đường Bn= 5m; Bm=3,5m	Cải tạo nền, mặt đường BTXM hoặc láng nhựa 3 lớp tiêu chuẩn 4,5km/m2 rộng 3,5m. Sửa chữa rãnh thoát nước và hệ thống ATGT	5,000	12.150	
19	ĐT.238C (Lâm Sơn - Làng Thượng)	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km0 - Km5+00, ĐT.238C	Xã Nhân Lý_Quan Sơn	Mặt đường BTXM rộng 3,0m, nền đường rộng 5m xuống cấp, lún nứt, bong chóc ( km 2+400,Km2+800, km4+780, km5+470, km5+520_900_990, km6+100	Sửa chữa cạp mở rộng mặt đường Bm=4,0m bằng kết cấu BTXM	5,00	12.150	
21	ĐT.242B (Hữu Lũng - Vân Nam)	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km0+900-Km5+900, ĐT.242B	Xã Tuấn Sơn	Nền mặt đường hư hỏng, lún lõm hết bánh xe, ổ gà (Km0+900-Km5+900) L = 5,0Km	Đào bỏ các vị trí kết cấu mặt đường cao su, xử lý tôn bù đá dăm nước và hoàn trả lại mặt đường láng nhựa 3 lớp	5,00	12.150	

TT	Tên tuyến đường	Hạng mục sửa chữa	Địa điểm xây dựng	Tình trạng kỹ thuật hiện hữu	Giải pháp sửa chữa	Khối lượng SC (km)	Dự kiến Kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
22	ĐT.243B (Bắc Sơn - Vũ Lăng)	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km0+00- Km5, ĐT.243B	Xã Vũ Lăng	Đường được xây dựng từ năm 2017 chiều rộng Bn=5m, Bm=3,5, kết cấu mặt đường BTXM và mặt đường láng nhựa. Từ khi đưa vào sử dụng 2018 chưa được sửa chữa DK mặt đường bị bong bật nặng.	Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường rải tăng cường lớp BTN mặt đường	5,00	12.150	
23	ĐT.246D (Châu Sơn - Đốc 6 độ - Kiên Mộc)	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km6+900 - Km11+00	xã Kiên Mộc	Nền, mặt đường BTXM và lề đường nhỏ hẹp, không đủ bố trí rãnh dọc thoát nước	Cải tạo, nâng cấp nền, mặt đường, hệ thống thoát nước và hoàn thiện hệ thống ATGT	5,00	15.000	
24	ĐT.246E (Châu Sơn - Khe Xiếc)	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km0+00 - Km4+00, ĐT.246E	Xã Châu Sơn và xã Thái Bình	Mặt đường đoạn Km0+00 đến Km12+00 thuộc tuyến ĐH47 (cũ) là mặt đường đất có nền đường rộng 5,5m. tại các vị trí cắt qua suối chưa được đầu tư xây dựng cầu, cống, hiện nay đang đi trực tiếp qua suối. Hiện trạng mặt đường đất nhiều đoạn bị xói mòn tạo rãnh sâu, ổ gà, lún võng sinh lầy. Trên toàn tuyến hệ thống an toàn giao thông và hệ thống cầu, cống rãnh chưa được đầu tư đồng bộ.	Cải tạo, nâng cấp nền, mặt đường, hệ thống thoát nước đoạn Km0+00 đến Km12+00 mặt đường láng nhựa 3 lớp rộng 3,5m. Tại các vị trí qua suối đầu tư xây dựng cầu Bùn vượt suối và hoàn thiện hệ thống an toàn giao thông từ Km0+00 đến Km41+00	4,00	9.720	
25	ĐT.248B (Lợi Bắc - Xuân Dương - Thái Bình)	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km0+00 đến Km6+000, ĐT.248B	Xã Lợi Bắc, Xuân Dương	Mặt đường lún dầy trôi nhựa, lún vệt bánh xe sâu, nhiều ổ gà, đi lại khó khăn	Sửa chữa cục bộ mặt đường, đổ BTXM. Sửa chữa rãnh thoát nước và hệ thống ATGT	6,00	14.580	
26	ĐT.248C (Na Dương - Sân Viên - Khuất Xá)	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km0+00- Km5+00, ĐT.248C	Xã Lợi Bắc	Hiện trạng mặt đường lún, hỏng, vỡ, nhiều ổ gà đi lại khó khăn	Sửa chữa cục bộ mặt đường BTXM rộng 3,5m. Sửa chữa rãnh thoát nước và hoàn thiện hệ thống ATGT	5,00	12.150	
27	ĐT.250B (Lộc Bình - Thống Nhất - Mẫu Sơn)	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km 0+000- Km 5+900, ĐT.250B	Xã Thống Nhất	Mặt đường BT sỏi suối, Bm= 2,0-4m lún nứt hư hỏng	Sửa chữa cạp mở rộng nền mặt đường bằng kết cấu BTXM và hoàn thiện hệ thống thoát nước	5,90	14.337	
<b>II</b>	<b>Năm 2027</b>					<b>32,95</b>	<b>304.409</b>	
1	ĐT.226	Sửa chữa nền, mặt đường, công trình đoạn Km29-Km33, ĐT.226	Xã Hoa Thám	Mặt đường rộng 3,5m đã bị hư hỏng nứt vỡ 70%	Sửa chữa cạp mở rộng mặt đường, tăng cường mặt đường bằng kết cấu BTN hoặc Láng nhựa	4	9.720	
2	ĐT.233	Sửa chữa nền, mặt đường, công trình đoạn Km15+00 - Km20+00	Xã Hội Hoan	Mặt đường rộng 3,5m đã bị hư hỏng nứt vỡ 80%	Sửa chữa cạp mở rộng mặt đường, tăng cường mặt đường bằng kết cấu BTN hoặc Láng nhựa	5	12.150	
3	ĐT.234	Sửa chữa nền, mặt đường, công trình đoạn Km38+600 - Km44, ĐT.234	Xã Chi Lăng	Mặt đường rộng 3,5m đã bị hư hỏng nứt vỡ 60%	Sửa chữa cạp mở rộng mặt đường, tăng cường mặt đường bằng kết cấu BTN hoặc Láng nhựa	5,4	13.122	
4	ĐT.238	Sửa chữa nền, mặt đường, công trình đoạn Km25- Km31+300, ĐT.238	Xã Nhân Lý	Mặt đường rộng 3,5m đã bị hư hỏng nứt vỡ 60%	Sửa chữa hư hỏng cục bộ , tăng cường mặt đường bằng kết cấu BTN	6,3	15.309	

TT	Tên tuyến đường	Hạng mục sửa chữa	Địa điểm xây dựng	Tình trạng kỹ thuật hiện hữu	Giải pháp sửa chữa	Khối lượng SC (km)	Dự kiến Kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
5	ĐT.241	Sửa chữa nền, mặt đường, công trình đoạn Km4+150 - Km6+300; cấp mở rộng nền mặt đường, sửa chữa công trình đoạn Km20+200 - Km22+200, ĐT.241	Xã Lộc Bình, xã Mẫu Sơn, xã Công Sơn	Mặt đường láng nhựa rộng TB 5,5m bị hư hỏng cục bộ 35%; đoạn Km20+200 - Km22+200 nhánh Công Sơn nền đường rộng trung bình 7,5m, mặt đường BTXM rộng trung bình 3,5m, chưa có hệ thống cột tiêu, cột H, cột Km	Sửa chữa hư hỏng cục bộ, tăng cường mặt đường bằng kết cấu BTN hoặc Láng nhựa; cấp mở rộng mặt đường, tăng cường bằng kết cấu BTXM, hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn từ Km20+200- Km22+200	4,15	10.085	
6	ĐT.242	Sửa chữa tăng cường mặt đường đoạn Km5+900- Km9+00, ĐT.242	Xã Hữu Lũng	Mặt đường láng nhựa rộng TB 5,5m bị hư hỏng cục bộ 35%	Sửa chữa hư hỏng cục bộ, tăng cường mặt đường bằng kết cấu BTN	3,1	7.998	
7	ĐT.244	Sửa chữa tăng cường mặt đường đoạn Km0+00 - Km5+00, ĐT.244	Xã Vân Nham, xã Yên Bình	Mặt đường láng nhựa rộng TB 5,5m bị hư hỏng cục bộ 35%	Sửa chữa hư hỏng cục bộ, tăng cường mặt đường bằng kết cấu BTN	5	12.150	
8	ĐT.226C	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km9+850 - Km15+00, ĐT.226C	Xã Đoàn Kết	Mặt đường: B(n)=5m; B(m)=3,5m, kết cấu mặt đường đường đất sinh lún, lún võng	Cải tạo nền, mặt đường bằng kết cấu láng nhựa 3 lớp tiêu chuẩn 4,5km/m <sup>2</sup> và công trình thoát nước, hoàn thiện hệ thống ATGT	5,15	12.515	
9	ĐT.226D	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km5+00 - Km10+00, ĐT.226D	Quốc Khánh	mặt đường Bm=3,5m hư hỏng, bong bật ổ gà	Sửa chữa cục bộ mặt đường, láng nhựa mặt đường. Sửa chữa rãnh thoát nước và hệ thống ATGT	5,00	12.150	
10	ĐT.226E	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km5- Km10+00, ĐT.226E	Xã Thiện Thuật	Mặt đường bị bong bật, lún võng	Sửa chữa cục bộ mặt đường, và láng nhựa mặt đường, hoàn thiện hệ thống ATGT	5,00	12.150	
11	ĐT.229B	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km0+00 - Km5+00, ĐT.229B	Xã Quốc Việt	Đoạn Km0+00 - Km5+00 mặt đường rộng 5,5m. từ khi đưa vào sử dụng chưa có đợt sửa chữa lớn mặt đường bị bong bật, lún võng	Cải tạo nâng cấp mặt đường BTXM hoặc láng nhựa mặt đường. Sửa chữa rãnh thoát nước và hệ thống ATGT	5,00	12.150	
12	ĐT.232B	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km3+880 đến Km9+00, ĐT.232B		1. Đoạn từ Km3+00 - Km7+00, mặt đường BTXM bị nứt, vỡ nhiều vị trí.	Cải tạo nền đường và hệ thống thoát nước	5,12	12.442	
13	ĐT.233B (Tân Văn - Diêm He - Văn Quan)	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km0+00 và đoạn Km 5+900, ĐT.233B	Xã Tân Văn	Mặt đường hẹp	Cải tạo cấp mở rộng và tăng cường mặt đường bằng kết cấu BTN	5,90	14.337	
14	ĐT.234D	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km31+000 - Km36+00, ĐT.234D	Xã Bằng Mạc	- Nền mặt đường khai thác từ lâu, chưa được nâng cấp sửa chữa đoạn từ Km31+300 - Km36+300 L=5,0Km. (ĐH.89 cũ) - Xói lở đường do mưa bão đoạn từ Km0+620 đến Km5+680	- Đào bỏ kết cấu mặt đường hư hỏng và hoàn trả lại mặt đường láng nhựa 3 lớp	5,00	12.150	
15	ĐT.238B	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km7+00- Km13+00	Xã Nhân Lý	Nền mặt đường đất từ Km2+200-Km13 chiều rộng nền đường Bn= 5m; Bm=3,5m	Cải tạo nền, mặt đường BTXM hoặc láng nhựa 3 lớp tiêu chuẩn 4,5km/m <sup>2</sup> rộng 3,5m. Sửa chữa rãnh thoát nước và hệ thống ATGT	6,000	14.580	

TT	Tên tuyến đường	Hạng mục sửa chữa	Địa điểm xây dựng	Tình trạng kỹ thuật hiện hữu	Giải pháp sửa chữa	Khối lượng SC (km)	Dự kiến Kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
16	ĐT.238C	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km5 - Km10+860, ĐT.238C	Xã Nhân Lý_ Quan Sơn	Mặt đường BTXM rộng 3,0m, nền đường rộng 5m xuống cấp, lún nứt, bong chóc ( km 2+400,Km2+800, km4+780, km5+470, km5+520_900_990, km6+100	Sửa chữa cấp mở rộng mặt đường Bm=4,0m bằng kết cấu BTXM	5,86	14.240	
17	ĐT.239C	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km10+00 - km15+00, ĐT.239C	Xã Tân Đoàn + Xã Yên Phúc	Nền mặt đường hư hỏng, bong bật ổ gà (Km10+110 - km19+300) L=9,19Km	Đào bỏ kết cấu mặt đường hư hỏng, xử lý tôn bù đá đầm nước và hoàn trả lại mặt đường láng nhựa 3 lớp	5,00	12.150	
18	ĐT.240	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km5+500 - Km10+500	xã Hoàng Văn Thụ	1. Km5+700- Km9+700 đường dốc,bong tróc nhiều vị trí mặt đường BTXM.	1. Cải tạo, Sửa chữa mặt đường và xây dựng hệ thống rãnh dọc thoát nước	5,00	12.150	
19	ĐT.242B	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km5+900- Km10+00, ĐT.242B	Xã Tuấn Sơn	Nền mặt đường hư hỏng, lún lõm hết bánh xe, ổ gà (Km5+900-Km11+900) L = 5,0Km	Đào bỏ các vị trí kết cấu mặt đường cao su, xử lý tôn bù đá đầm nước và hoàn trả lại mặt đường láng nhựa 3 lớp	4,10	9.963	
20	ĐT.243B	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km5+00 - Km10+00, ĐT.243B	Xã Vũ Lăng	Đường được xây dựng từ năm 2017 chiều rộng Bn=5m, Bm=3,5, kết cấu mặt đường BTXM và mặt đường láng nhựa. Từ khi đưa vào sử dụng 2018 chưa được sửa chữa DK mặt đường bị bong bật nặng.	Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường rải tăng cường lớp BTN mặt đường	5,00	12.150	
21	ĐT.243C	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km0+00 - Km5+00, ĐT.243C	Xã Vũ Lễ, Xã Tân Tri	Đoạn đường Ngã Hai - Tân Tri ( Km0-Km8)Mặt đường BTXM được thiết kế mặt đường GTNT rộng 3m, không có lề đường, công trình thoát nước, hệ thống ATGT...	Sửa chữa nâng cấp mở rộng mặt đường, lề đường, công trình thoát nước, bổ sung hệ thống ATGT.	5,00	12.150	
22	ĐT.246D (Châu Sơn - Dốc 6 độ - Kiên Mộc)	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km11+00 - Km16+00, ĐT.246D	Xã Kiên Mộc	Nền, mặt đường BTXM và lề đường nhỏ hẹp, không đủ bố trí rãnh dọc thoát nước	Cải tạo, nâng cấp nền, mặt đường, hệ thống thoát nước và hoàn thiện hệ thống ATGT	5,00	12.150	
23	ĐT.246E	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km4+00 - Km8+00, ĐT.246E	Xã Châu Sơn và xã Thái Bình	Mặt đường đoạn Km0+00 đến Km12+00 thuộc tuyến ĐH47 (cũ) là mặt đường đất có nền đường rộng 5,5m. tại các vị trí cắt qua suối chưa được đầu tư xây dựng cầu, cống, hiện nay đang đi trực tiếp qua suối. Hiện trạng mặt đường đất nhiều đoạn bị xói mòn tạo rãnh sâu, ổ gà, lún võng sinh lầy. Trên toàn tuyến hệ thống an toàn giao thông và hệ thống cầu, cống rãnh chưa được đầu tư đồng bộ.	Cải tạo, nâng cấp nền, mặt đường, hệ thống thoát nước đoạn Km0+00 đến Km12+00 mặt đường láng nhựa 3 lớp rộng 3,5m. Tại các vị trí qua suối đầu tư xây dựng cầu Bùn vượt suối và hoàn thiện hệ thống an toàn giao thông từ Km0+00 đến Km41+00	4,00	9.720	
24	ĐT.248B	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km6+00 đến Km12+000, ĐT.248B	Xã Lợi Bắc, Xuân Dương	Mặt đường lún đẩy trôi nhựa, lún vệt bánh xe sâu, nhiều ổ gà, đi lại khó khăn	Sửa chữa cục bộ mặt đường, đổ BTXM. Sửa chữa rãnh thoát nước và hệ thống ATGT	6,00	14.580	

TT	Tên tuyến đường	Hạng mục sửa chữa	Địa điểm xây dựng	Tình trạng kỹ thuật hiện hữu	Giải pháp sửa chữa	Khối lượng SC (km)	Dự kiến Kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
25	ĐT.250B	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km 5+00-Km 10+00 ĐT.250B	Xã Thống Nhất	Mặt đường BTXM Bm=3,5m, nền đường 4m.	Sửa chữa nền mặt đường bằng kết cấu BTXM và hoàn thiện hệ thống thoát nước	5,00	12.150	
<b>III</b>	<b>Năm 2028</b>					<b>88,20</b>	<b>214.326</b>	
1	ĐT.226	Sửa chữa nền, mặt đường, công trình đoạn Km33-Km37, ĐT.226	Xã Hoa Thám	Mặt đường rộng 3,5m đã bị hư hỏng nứt vỡ 70%	Sửa chữa cấp mở rộng mặt đường, tăng cường mặt đường bằng kết cấu BTN hoặc Láng nhựa	4	9.720	
2	ĐT.233	Sửa chữa nền, mặt đường, công trình đoạn Km20+00 - Km25+900	Xã Hội Hoan	Mặt đường rộng 3,5m đã bị hư hỏng nứt vỡ 80%	Sửa chữa cấp mở rộng mặt đường, tăng cường mặt đường bằng kết cấu BTN hoặc Láng nhựa	5,9	14.337	
3	ĐT.238	Sửa chữa nền, mặt đường, công trình đoạn Km15-Km20, ĐT.238	Xã Chiến Thắng, xã Nhân Lý	Mặt đường rộng 3,5m đã bị hư hỏng nứt vỡ 60%	Sửa chữa hư hỏng cục bộ , tăng cường mặt đường bằng kết cấu BTN	5	12.150	
4	ĐT.246	Sửa chữa nền, mặt đường, công trình đoạn Km19+00 - Km24+00, ĐT.246	Xã Kiên Mộc	Mặt đường rộng 3,5m-5,5m đã bị hư hỏng nứt vỡ 60%	Sửa chữa cấp mở rộng mặt đường, tăng cường mặt đường bằng kết cấu BTN hoặc Láng nhựa	5	12.150	
5	ĐT.248	Sửa chữa nền, mặt đường, công trình đoạn Km0+00 - Km10+00, ĐT.248	Xã Na Dương, xã Xuân Dương	Mặt đường láng nhựa rộng TB 5,5m bị hư hỏng cục bộ 30%	Sửa chữa hư hỏng cục bộ, tăng cường mặt đường bằng kết cấu BTN	10	24.300	
6	ĐT.226D	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km7+00 - Km13, ĐT.226D	Quốc Khánh	mặt đường Bm=3,5m hư hỏng, bong bật ổ gà	Sửa chữa cục bộ mặt đường, tôn bù mặt đường, láng nhựa mặt đường. Sửa chữa rãnh thoát nước và hệ thống ATGT	6,00	14.580	
7	ĐT 226E	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km13+500-Km17+00	Xã Nhất Hòa	Đường được xây dựng từ năm 2001, từ khi đưa vào sử dụng chưa có đợt sửa chữa lớn, mặt đường bị bong bật, lún võng. Đoạn này khi mưa lớn thường xuyên ngập nước	Sửa chữa cục bộ mặt đường, thâm tăng cường mặt đường. Sửa chữa rãnh thoát nước và hệ thống ATGT	3,50	8.505	
8	ĐT.232B	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km9+00 - Km14+600, ĐT.232B	Xã Văn Lãng	Đoạn từ Km9+00 - Km14+600, mặt đường xuống cấp, dốc lớn , cong cua nguy hiểm	Cải tạo, cắt cua mở rộng nền đường và hoàn chỉnh hệ thống thoát nước, ATGT	5,60	13.608	
9	ĐT.233B	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km13+00-Km17+00, ĐT.233B	Xã Tân Văn	Mặt đường Bm= 3,0m nhỏ hẹp, lề đường lún võng sâu	Sửa chữa nâng cấp mở rộng nền B=7m, mặt đường Bm=5m và công trình thoát nước, bổ sung hệ thống ATGT.	4,00	9.720	
10	ĐT.234D	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km36+00-Km41+300, ĐT.234D	Xã Bằng Mạc + Vạn Linh	- Nền mặt đường khai thác từ lâu, chưa được nâng cấp sửa chữa đoạn từ Km36+300 - Km41+300 L=5,0Km. (ĐH.89 cũ)	- Đào bỏ kết cấu mặt đường hư hỏng và hoàn trả lại mặt đường láng nhựa 3 lớp	5,30	12.879	
11	ĐT.239C	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km15+00 - Km19+300, ĐT.239C	Xã Tân Đoàn + Xã Yên Phúc	Nền mặt đường hư hỏng, bong bật ổ gà (Km10+110 - km19+300 (ĐH.58 cũ); L = 9,19 km)	Đào bỏ kết cấu mặt đường hư hỏng và hoàn trả lại mặt đường láng nhựa 3 lớp	4,30	10.449	
12	ĐT.240	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km14+500 đến Km19+500, ĐT.240	xã Hoàng Văn Thụ	1. Km14+600- Km16+600 Mặt đường BTXM bị nứt vỡ, bong tróc	1. Cải tạo, Sửa chữa mặt đường và xây dựng hệ thống rãnh dọc thoát nước	5,00	12.150	
13	ĐT.242B	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km10+00-Km14+600, ĐT.242B	Xã Tuấn Sơn	Nền mặt đường hư hỏng, lún lõm hết bánh xe, ổ gà (Km12+900-Km14+600) L = 1,7Km	Đào bỏ các vị trí kết cấu mặt đường cao su, xử lý tôn bù kết cấu mặt đường và hoàn trả lại mặt đường láng nhựa 3 lớp	4,60	11.178	

TT	Tên tuyến đường	Hạng mục sửa chữa	Địa điểm xây dựng	Tình trạng kỹ thuật hiện hữu	Giải pháp sửa chữa	Khối lượng SC (km)	Dự kiến Kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
14	ĐT.243C	Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường và công trình đoạn Km4+00 - Km9+00, ĐT.243C	Xã Vũ Lễ, Xã Tân Tri	Đoạn đường Ngã Hai - Tân Tri ( Km0-Km8)Mặt đường BTXM được thiết kế mặt đường GTNT rộng 3m, không có lề đường, công trình thoát nước, hệ thống ATGT...	Sửa chữa nâng cấp mở rộng mặt đường, lề đường, công trình thoát nước, bổ sung hệ thống ATGT.	5,00	12.150	
15	ĐT.246E	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km8+00 - Km12+00, ĐT.246E	Xã Châu Sơn và xã Thái Bình	Mặt đường đoạn Km0+00 đến Km12+00 thuộc tuyến ĐH47 (cũ) là mặt đường đất có nền đường rộng 5,5m. tại các vị trí cắt qua suối chưa được đầu tư xây dựng cầu, cống, hiện nay đang đi trực tiếp qua suối. Hiện trạng mặt đường đất nhiều đoạn bị xói mòn tạo rãnh sâu, ổ gà, lún võng sinh lầy. Trên toàn tuyến hệ thống an toàn giao thông và hệ thống cầu, cống rãnh chưa được đầu tư đồng bộ.	Cải tạo, nâng cấp nền, mặt đường, hệ thống thoát nước đoạn Km0+00 đến Km12+00 mặt đường láng nhựa 3 lớp rộng 3,5m. Tại các vị trí qua suối đầu tư xây dựng cầu Bùn vượt suối và hoàn thiện hệ thống an toàn giao thông từ Km0+00 đến Km41+00	4,00	9.720	
16	ĐT.248B	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km12+00 đến Km17+000	Xã Lợi Bắc, Xuân Dương	Mặt đường lún dẫy trôi nhựa, lún vết bánh xe sâu, nhiều ổ gà, đi lại khó khăn	Sửa chữa cục bộ mặt đường, đổ BTXM. Sửa chữa rãnh thoát nước và hệ thống ATGT	5,00	12.150	
17	ĐT.250B	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km 21+00- Km 27+00 ĐT.250B	Xã Lộc Bình	Mặt đường láng nhựa (nguyên là đường tránh cầu Pò Lợi gồm có cầu Pò Lợi I) mặt đường cũ hỏng chưa được sử chữa. Đoạn Km 21+900- Km 23+500 mặt đường gồm 300m mặt đường đất, 1,3 km mặt đường BT sỏi sỏi đã cũ hỏng cục bộ. Bề rộng nền đường Bn= 5m	Sửa chữa mặt đường và hệ thống thoát nước, bổ sung hệ thống ATGT	6,00	14.580	
IV	Năm 2029					89,17	216.683	
1	ĐT.226	Sửa chữa nền, mặt đường, công trình đoạn Km37- Km40+200, ĐT.226	Xã Hoa Thám	Mặt đường rộng 3,5m đã bị hư hỏng nứt vỡ 70%	Sửa chữa cạp mở rộng mặt đường, tăng cường mặt đường bằng kết cấu BTN hoặc Láng nhựa	3,20	7.776	
2	ĐT.227	Sửa chữa nền, mặt đường đoạn Km9-Km15	Xã Thiện Long	Mặt đường rộng 3,5m đã bị hư hỏng nứt vỡ 80%	Sửa chữa cạp mở rộng mặt đường, tăng cường mặt đường bằng kết cấu BTN hoặc Láng nhựa	6,00	14.580	
3	ĐT.238	Sửa chữa nền, mặt đường, công trình đoạn Km4+730- Km8, ĐT.238	Phường Đông Kinh	Mặt đường láng nhựa rộng TB 5,5m bị hư hỏng cục bộ 35%	Sửa chữa hư hỏng cục bộ , tăng cường mặt đường bằng kết cấu BTN	3,27	7.946	
4	ĐT.246	Sửa chữa nền, mặt đường, công trình đoạn Km24+00 - Km29+00, ĐT.246	Xã Kiên Mộc	Mặt đường rộng 3,5m-5,5m đã bị hư hỏng nứt vỡ 60%	Sửa chữa cạp mở rộng mặt đường, tăng cường mặt đường bằng kết cấu BTN hoặc Láng nhựa	5,00	12.150	
5	ĐT.248	Sửa chữa nền, mặt đường, công trình đoạn Km10+00 - Km20+00, ĐT.248	Xã Xuân Dương	Mặt đường láng nhựa rộng TB 5,5m bị hư hỏng cục bộ 30%	Sửa chữa hư hỏng cục bộ, tăng cường mặt đường bằng kết cấu BTN	10,00	24.300	
6	ĐT.226B	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km0 - Km10+00, ĐT.226B	Xã Thất Khê và xã Tân Tiến	Mặt đường BTXM rộng 3,5m khai thác từ lâu chưa được đầu tư sửa chữa	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình	10,00	24.300	
7	ĐT.226D	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km13+00 - Km19, ĐT.226D	Quốc Khánh	mặt đường Bm=3,5m hư hỏng, bong bật ổ gà	Sửa chữa cục bộ mặt đường, láng nhựa mặt đường. Sửa chữa rãnh thoát nước và hệ thống ATGT	6,00	14.580	

TT	Tên tuyến đường	Hạng mục sửa chữa	Địa điểm xây dựng	Tình trạng kỹ thuật hiện hữu	Giải pháp sửa chữa	Khối lượng SC (km)	Dự kiến Kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
8	ĐT.233B	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km17+00-Km22+300, ĐT.233B	Xã Tân Văn	Mặt đường Bm= 3,0m nhỏ hẹp, lề đường lún võng sâu	Sửa chữa nâng cấp mở rộng nền B=7m, mặt đường Bm=5m và công trình thoát nước, bổ sung hệ thống ATGT.	5,20	12.636	
9	ĐT.234D	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km41+300-Km46+300, ĐT.234D	Xã Vạn Linh	- Nền mặt đường khai thác từ lâu, chưa được nâng cấp sửa chữa đoạn từ Km36+300 - km42+300 L=5,0Km. (ĐH.89 cũ)	- Đào bỏ kết cấu mặt đường hư hỏng và hoàn trả lại mặt đường láng nhựa 3 lớp	5,00	12.150	
10	ĐT.238C	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km1+00 - Km6+500, ĐT.238C	Xã Nhân Lý_Quan Sơn	Mặt đường nứt, bong chóc, xuống cấp )Km2+400, Km2+800, km4+780, km5+470, 520, 900,990, km6+100)	Sửa chữa cục bộ mặt đường, đổ BTXM và cải tạo hệ thống ATGT	6,50	15.795	
11	ĐT.240	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km16+600 - Km21+500, ĐT.240	xã Hoàng Văn Thụ	Mặt đường hư hỏng, xuống cấp. Đoạn Km16+600-Km19+600 chưa được xây dựng hệ thống rãnh dọc thoats nước mặt đường kém	Sửa chữa cục bộ mặt đường, tăng cường kết cấu mặt đường và cải tạo hệ thống ATGT	5,00	12.150	
12	ĐT.246E	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km35+500 - Km41+00, ĐT.246E	Xã Thái Bình	Nền, mặt đường BTXM và lề đường nhỏ hẹp, không đủ bố trí rãnh dọc thoát nước	Cải tạo, nâng cấp nền, mặt đường, hệ thống thoát nước và hoàn thiện hệ thống ATGT	<b>5,50</b>	13.365	
13	ĐT.248B	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km17+00 đến Km22+00, ĐT.248B	Xã Lợi Bắc, Xuân Dương	Mặt đường lún dầy trôi nhựa, lún vệt bánh xe sâu, nhiều ổ gà, đi lại khó khăn	Sửa chữa cục bộ mặt đường, đổ BTXM. Sửa chữa rãnh thoát nước và hệ thống ATGT	5,00	12.150	
14	ĐT.248C	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km0+000 - Km6+500, ĐT.248C	Xã Lợi Bắc	Hiện trạng mặt đường lún, hỏng, vỡ, nhiều ổ gà đi lại khó khăn	Sửa chữa cục bộ mặt đường, đổ BTXM. Sửa chữa rãnh thoát nước và hệ thống ATGT	6,50	15.795	
15	ĐT.250B	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km 30+100-Km 37+100, ĐT250B	xã Khuất Xá 2 km, xã Mẫu Sơn 5 km	Mặt đường BTXM, Bm=3,5m Bn=5m xuất hiện nhiều đoạn nứt dọc, vỡ kết cấu. Hệ thống thoát nước và hệ thống ATGT không hoàn chỉnh	Cải tạo nền đường và hệ thống thoát nước, hệ thống ATGT; Nâng cấp lên đường cấp IV miền núi	7,00	17.010	
<b>V</b>	<b>Năm 2030</b>					<b>75,85</b>	<b>184.316</b>	
1	ĐT.227	Sửa chữa nền, mặt đường đoạn Km20-Km23+600	Xã Thiện Long	Mặt đường rộng 3,5m đã bị hư hỏng nứt vỡ 80%	Sửa chữa cạp mở rộng mặt đường, tăng cường mặt đường bằng kết cấu BTN hoặc Láng nhựa	3,6	8.748	
2	ĐT.238	Sửa chữa nền, mặt đường, công trình đoạn Km20-Km25, ĐT.238	Xã Nhân Lý	Mặt đường rộng 3,5m đã bị hư hỏng nứt vỡ 60%	Sửa chữa hư hỏng cục bộ , tăng cường mặt đường bằng kết cấu BTN	5	12.150	
3	ĐT.246	Sửa chữa nền, mặt đường, công trình đoạn Km29+00 - Km34+00, ĐT.246	Xã Kiên Mộc	Mặt đường rộng 3,5m-5,5m đã bị hư hỏng nứt vỡ 60%	Sửa chữa cạp mở rộng mặt đường, tăng cường mặt đường bằng kết cấu BTN hoặc Láng nhựa	5	12.150	
4	ĐT.248	Sửa chữa nền, mặt đường, công trình đoạn Km20+00 - Km25+800, ĐT.248	Xã Xuân Dương	Mặt đường láng nhựa rộng TB 5,5m bị hư hỏng cục bộ 30%	Sửa chữa hư hỏng cục bộ, tăng cường mặt đường bằng kết cấu BTN	5,8	14.094	
5	ĐT.226B	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km10 - Km20+500, ĐT226B	Xã Thất Khê và xã Tân Tiến	Mặt đường BTXM rộng 3,5m khai thác từ lâu chưa được đầu tư sửa chữa	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình	10,5	25.515	
6	ĐT.232B	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km7+00 - Km10+00, ĐT.232B	xã Văn Lãng	1. Đoạn từ Km7+00 - Km10+00, mặt đường BTXM nhỏ, hẹp, chưa có hệ thống thoát nước	Cải tạo, mở rộng nền đường và xây dựng hệ thống thoát nước	3,00	7.290	
7	ĐT.233B	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km22+300-Km30+800, ĐT.233B	Xã Tân Văn	Nền đường Bn= 4-5m, mặt đường Bm= 3,0m nhỏ hẹp, lề đường lún võng sâu	Sửa chữa cạp mở rộng nền B=7m, mặt đường Bm=5m và hoàn thiện công trình thoát nước, hệ thống ATGT tuyến	8,50	20.655	



TT	Tên tuyến đường	Hạng mục sửa chữa	Địa điểm xây dựng	Tình trạng kỹ thuật hiện hữu	Giải pháp sửa chữa	Khối lượng SC (km)	Dự kiến Kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
8		Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km0 +00 - Km6+00, ĐT.236B	Xã Mẫu Sơn	Mặt đường bê tông xi măng 3,5m đã đầu tư từ trước 2016 nhưng chưa được sửa chữa. Ngầm hiện trạng thấp, thường xuyên ngập sâu khi mưa, gây khó khăn cho người dân đi lại	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình	6,00	14.580	
9	ĐT.240	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km16+500 - Km21+600, ĐT.240	xã Na Sầm	Mặt đường BTXM hư hỏng, bong tróc và chưa xây dựng hệ thống rãnh dọc	Cải tạo, mở rộng nền đường và xây dựng hệ thống thoát nước	5,10	12.393	
10	ĐT 243B	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km11+800 - Km17+00, ĐT.243B	Xã Vũ Lăng	Mặt đường BTXM bị bong chóc	Sửa chữa hư hỏng cục bộ và rải tăng cường lớp BTN đoạn tuyến	5,20	12.636	
11	ĐT.243C	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km0+00 - Km6+650, ĐT.243C	Xã Vũ Lễ, Xã Tân Tri	Đoạn đường Ngã Hai - Tân Tri ( Km0+00-Km6+612) Mặt đường BTXM được thiết kế mặt đường GTNT rộng 3m, không có lề đường, công trình thoát nước, hệ thống ATGT...	Sửa chữa cạp mở rộng nền Bn=7, mặt đường Bm=5, hoàn thiện công trình thoát nước và thống ATGT.	6,65	16.160	
12	ĐT.248C	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km5+000 đến Km 9+400	Xã Lợi Bắc	Hiện trạng mặt đường lún, hỏng, vỡ, nhiều ổ gà đi lại khó khăn	Sửa chữa cục bộ mặt đường, đổ BTXM. Sửa chữa rãnh thoát nước và hệ thống ATGT	4,40	10.692	
13	ĐT.250B	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km 23+00-Km 30+100 ĐT.250B	Xã Lộc Bình 1,4Km; xã Na Dương 5km	Mặt đường BTXM, Bm=3,5m Bn=5m xuất hiện nhiều đoạn nứt dọc, vỡ kết cấu. Hệ thống thoát nước và hệ thống ATGT không hoàn chỉnh. Đường ngầm Km 25+100 thường bị ngập khi lũ	sử chữa nền mặt đường BTXM và hệ thống thoát nước, hệ thống ATGT.	7,10	17.253	